

**CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN LỘC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN LỘC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIEN LOC TRADING BUSINESS AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TIEN LOC TRADING BUSINESS AND SERVICES CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110072889

**3. Ngày thành lập:** 26/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Lai Bò, Thị trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0969335283

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                   | 4330     |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: đại lý bán hàng hóa (trừ hoạt động của các đấu giá viên)                                                                                         | 4610     |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                   | 4631     |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                               | 4632     |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                 | 4633     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                                      | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                              | 4651     |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                               | 4652     |
| 9.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                | 4690     |
| 10. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                             | 4711     |
| 11. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác | 4719     |
| 12. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                | 4721     |
| 13. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                 | 4722     |
| 14. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                   | 4723     |
| 15. | Vận tải hành khách đường sắt                                                                                                                                                                     | 4911     |
| 16. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                       | 4912     |
| 17. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                   | 4933     |

|     |                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Vận tải đường ống                                                                                                                                                             | 4940        |
| 19. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(trừ kinh doanh kho bãi)                                                                                                                       | 5210        |
| 20. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                              | 5224        |
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(trừ Tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không)<br>Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics      | 5229        |
| 22. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                     | 5510        |
| 23. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                              | 5610(Chính) |
| 24. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên<br>với khách hàng                                                                                                   | 5621        |
| 25. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                       | 5630        |
| 26. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                         | 8121        |
| 27. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                             | 8129        |
| 28. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn<br>thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4741        |
| 29. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                     | 4742        |
| 30. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây<br>dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                       | 4752        |
| 31. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn<br>trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                | 4753        |
| 32. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất<br>trưng tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được<br>phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 33. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng<br>chuyên doanh                                                                                                   | 4761        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN MÃO

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/08/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001087050920

Ngày cấp: 23/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Lai Bô, Thị trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Lai Bô, Thị trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội